

**CÔNG KHAI NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC**  
**PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 2021**

**Kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng**  
**Và Kinh phí chi hoạt động của các vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ**  
*(Phụ lục kèm theo Quyết định số 167/QĐ-LĐTBXH ngày 21/01/2021)*

Thực hiện Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1945/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành các công việc như sau:

1. Xây dựng phương án Dự kiến phân bổ dự toán ngân sách 2021 đối với kinh phí sự nghiệp đảm bảo hoạt động của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ và kinh phí thực hiện Pháp lệnh NCC cho Sở LĐ-TBXH các tỉnh/thành phố. Căn cứ xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 theo quy định tại Luật NSNN 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Thông tư số 109/2020/TT-BTC về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2021 và các quy định tại các Quyết định giao dự toán ngân sách năm 2021: số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và số 1945/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức họp lấy ý kiến của các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách chủ yếu của Bộ: Các đơn vị quản lý nhà nước (*Văn phòng Bộ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các Cục, VPQG Giảm nghèo, Thanh tra Bộ vào sáng ngày 17/12/2020*) và các đơn vị thuộc khối Đào tạo – giáo dục nghề nghiệp (*Tổng cục GDNN và các Trường vào chiều ngày 17/12/2020*).

3. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị và dự kiến phân bổ một số nội dung chi phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công của Cục Người có công, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã tổng hợp điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của các đơn vị trực thuộc và kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công của Sở LĐ-TBXH các tỉnh/ thành phố trình báo cáo Ban cán sự Bộ tại cuộc họp sáng ngày 26/12/2020 (*Tờ trình số 194/KHTC-KH ngày 23/12/2020*).

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và tập thể Lãnh đạo Bộ, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã tổng hợp báo cáo Bộ trưởng tại Tờ trình số 195/KHTC-KH ngày 30/12/2020, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 1647/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2020 về việc phân bổ để giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC cho các địa phương đảm bảo thời gian hoàn thành việc phân bổ và

giao dự toán trước ngày 31/12 của năm trước theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

**Cụ thể phân bổ Dự toán ngân sách 2021 như sau:**

## **I. KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG**

**Tổng kinh phí được thông báo là: 33.150.000 triệu đồng, trong đó:**

**A. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 31.705.000 triệu đồng.**

**1. Chi trợ cấp ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Pháp lệnh Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 31.535.000 triệu đồng.**

1.1. Các khoản chi trợ cấp thường xuyên: 29.331.000 triệu đồng.

1.2. Chi công việc: 2.203.400 triệu đồng.

- Chi điều trị, điều dưỡng; dụng cụ chỉnh hình và phương tiện trợ giúp; chi điện, nước, văn hóa văn nghệ phục vụ điều dưỡng; hỗ trợ hoạt động khu thương binh và người có công: 1.033.500 triệu đồng.

- Chi công tác Mộ - Nghĩa trang liệt sĩ: 600.000 triệu đồng.

- Chi thực hiện Đề án 150: 30.000 triệu đồng.

- Chi công tác quản lý: 539.900 triệu đồng.

**2. Kinh phí chi trợ cấp 1 lần: 170.000 triệu đồng.**

**B. Chi Sự nghiệp y tế: 1.445.000 triệu đồng.**

**Phân bổ như sau:**

**1. Nguyên tắc phân bổ**

**1.1. Chi các loại trợ cấp thường xuyên**

Căn cứ các chế độ, chính sách và đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 và mức trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 58/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ (tại các địa phương).

**1.2. Chi công việc** (Dụng cụ chỉnh hình, Điều trị - điều dưỡng, Mộ - nghĩa trang liệt sĩ, Hỗ trợ hoạt động Khu Thương binh): Căn cứ Quyết định giao dự toán của Bộ Tài chính, phân bổ kinh phí theo quy mô, tính chất, tổng số đối tượng, nội dung hoạt động và dự toán, hồ sơ đề xuất của các địa phương.

**1.3. Chi trợ cấp một lần:** Phân bổ và giao dự toán theo dự toán đề xuất của các địa phương và tình hình quản lý đối tượng của Cục Người có công.

**2. Phân bổ cụ thể**

**2.1. Chi trợ cấp ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Pháp lệnh Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 31.535.000 triệu đồng.**

**2.1.1. Trợ cấp chính sách, chế độ thường xuyên cho đối tượng: 29.331.600 triệu đồng.**

Căn cứ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng: Căn cứ dự toán thực hiện năm 2020 của các địa phương; trong đó, đã tính đến trợ cấp theo mức chuẩn tại Nghị định 58/2019/NĐ-CP đủ 12 tháng và dự kiến đối tượng giảm trong năm 1,0%.

Trợ cấp hàng tháng để đảm bảo chi trả các chế độ theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 và mức trợ cấp, phụ cấp quy định tại Nghị định số 58/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, bao gồm: Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng, các khoản trợ cấp 1 lần theo chế độ thường xuyên (Tiền xe khám bệnh, phí giám định y khoa, hỗ trợ khác cho Thương binh; Thăm viếng, đón tiếp, phí giám định, hỗ trợ khác cho thân nhân; mai táng phí, tuất 1 lần, lần đầu...), trợ cấp ưu đãi giáo dục, quà lễ tết, sách báo lão thành cách mạng, để thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng và các chính sách, chế độ khác đối với đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo quy định.

### **2.1.2. Các nội dung chi công việc: 2.203.400 triệu đồng**

#### **a. Chi trang cấp dụng cụ chỉnh hình: 60.000 triệu đồng**

Căn cứ vào đối tượng, niên hạn quy định trang cấp dụng cụ chỉnh hình và đề nghị của các địa phương để phân bổ kinh phí đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính.

#### **b. Kinh phí điều trị - điều dưỡng: 755.384,5 triệu đồng**

Phân bổ trên cơ sở số đối tượng điều dưỡng đến niên hạn được hưởng chính sách, trong đó:

- Điều trị: 6.884,5 triệu đồng. Phân bổ cho số đối tượng đang được nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm, mức chi điều trị là 8,5 triệu đồng/người/năm.

- Điều dưỡng: 748.500 triệu đồng. Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013, tổng số đối tượng điều dưỡng năm 2021 là 541.898 đối tượng; trong đó dự kiến 24,5% đối tượng điều dưỡng tập trung.

#### **c. Chi hỗ trợ tiền điện, nước, văn hóa văn nghệ: 55.759,52 triệu đồng**

Căn cứ tỷ lệ điều dưỡng tập trung để phân bổ kinh phí chi tiền điện, nước và văn hóa văn nghệ phục vụ công tác điều dưỡng tập trung và giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố để thực hiện theo quy định của Thông tư số 101/2018/TT-BTC.

#### **d. Hỗ trợ hoạt động khu thương binh và người có công: 162.355,98 triệu đồng**

Phân bổ cho các địa phương theo 3 nội dung sau:

- Hỗ trợ công tác nuôi dưỡng đối tượng: Chi điện nước, vệ sinh môi trường, trang bị khác phục vụ đối tượng, mức 6 triệu đồng/1 đối tượng người có công. Tổng kinh phí hỗ trợ là 6.094 triệu đồng để hỗ trợ cho 882 đối tượng nuôi dưỡng tập trung.

- Hỗ trợ mua sắm tài sản hỗ trợ theo mức hỗ trợ bình quân chung, căn cứ tình hình đã bố trí dự toán những năm trước, nhu cầu của địa phương, cụ thể như sau:

+ Phục vụ nuôi dưỡng, trên cơ sở quy mô đối tượng, mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/1 đối tượng người có công; mức hỗ trợ tối đa 1,5 tỷ đồng/ Trung tâm;

riêng tỉnh Thanh Hóa có đông đối tượng nhất cả nước (240 đối tượng nuôi dưỡng tập trung, không có đề xuất sửa chữa), hỗ trợ mua sắm 2,5 tỷ đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 11.570 triệu đồng.

+ Phục vụ công tác điều dưỡng đối tượng: trên cơ sở quy mô giường điều dưỡng của Trung tâm, mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/1 giường điều dưỡng; mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/ Trung tâm. Hà Nội hỗ trợ 4 tỷ đồng do có 5 cơ sở thực hiện điều dưỡng NCC; hỗ trợ Thanh Hóa 3 tỷ đồng (*đơn vị không có dự án cải tạo, sửa chữa; quy mô giường điều trị lớn, đông đối tượng NCC*). Riêng Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bố trí 7.000 triệu đồng để hỗ trợ mua sắm trang thiết bị theo Công văn số 2824/LĐTBXH-KHTC ngày 20/7/2015 của Bộ (*kinh phí đầu tư xây dựng do ngân sách địa phương đảm bảo, ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị*). Tổng kinh phí hỗ trợ là 64.300 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công tại các Trung tâm: Hỗ trợ cho các địa phương đảm bảo (i) Có đề xuất dự toán 2021; (ii) Có đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính; (iii) Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ Quyết định phê duyệt Dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt và tình hình đã hỗ trợ các năm trước. Tổng kinh phí hỗ trợ là 67.430 triệu đồng.

- Còn lại 12.961,98 triệu đồng chưa phân bổ do hiện nay còn 1 số tỉnh khu vực miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lũ năm 2020 nhưng chưa đảm bảo hồ sơ phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC nên chưa đủ điều kiện phân bổ dự toán, Bộ LĐ-TBXH tạm phân bổ trong dự toán của Cục Người có công; đến 30/3/2021 các địa phương có đủ Quyết định phê duyệt theo quy định, Bộ LĐ-TBXH sẽ gửi Bộ Tài chính thống nhất trước khi phân bổ; trường hợp không đủ điều kiện sẽ thực hiện hủy dự toán theo quy định. Đề nghị Bộ Tài chính thống nhất đối với nội dung phân bổ trên.

#### ***e. Kinh phí Mộ - Nghĩa trang liệt sĩ: 600.000 triệu đồng.***

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 và Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính, phân bổ kinh phí mộ - nghĩa trang liệt sĩ năm 2021 đảm bảo không vượt dự toán đề xuất của các địa phương theo các tiêu chí như sau:

- Hỗ trợ cho các địa phương kinh phí chuẩn hoá thông tin trên bia mộ theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC và tu bổ mộ liệt sĩ theo số lượng mộ từng địa phương. Tổng kinh phí hỗ trợ là 101.865 triệu đồng. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- + Địa phương dưới 1.000 mộ: hỗ trợ 500 triệu đồng;
- + Địa phương có từ 1.000 - 5.000 mộ: hỗ trợ 1.000 triệu đồng;
- + Địa phương có từ 5000 - 10.000 mộ: hỗ trợ 1.500 triệu đồng;
- + Địa phương có từ 10.000 - 25.000 mộ: hỗ trợ 2.000 triệu đồng;
- + Địa phương có từ 25.000 - 40.000 mộ: hỗ trợ 2.200 triệu đồng;

+ Địa phương có trên 40.000 hộ: hỗ trợ 2.500 triệu đồng.

- Hỗ trợ các địa phương sửa chữa, cải tạo các mộ liệt sĩ do gia đình quản lý. Theo báo cáo đề xuất của địa phương và số mộ liệt sĩ đã bàn giao cho gia đình quản lý trên địa bàn địa phương. Tổng kinh phí hỗ trợ là 555 triệu đồng.

- Hỗ trợ các địa phương sửa chữa, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Nguyên tắc hỗ trợ: Trên cơ sở hồ sơ của địa phương, đề xuất kinh phí hỗ trợ cho các công trình có đủ điều kiện phân bổ theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC (có Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán). Tổng kinh phí hỗ trợ là 489.580 triệu đồng. Trong đó:

+ Công trình có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng: có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

+ Công trình có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng: có văn bản phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền.

+ Danh mục các công trình có đủ điều kiện phân bổ của từng địa phương, mức đề xuất hỗ trợ từ ngân sách trung ương đối với từng công trình, trong đó: Tập trung hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mộ và nghĩa trang liệt sĩ (kinh phí hỗ trợ: 443.365 triệu đồng), dành một phần kinh phí để hỗ trợ xây dựng, cải tạo các công trình ghi công liệt sĩ (kinh phí hỗ trợ: 46.215 triệu đồng); Ưu tiên bố trí kinh phí cho các dự án đã hoàn thành để tránh nợ đọng, kinh phí để thực hiện các dự án đang triển khai. Mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/công trình nghĩa trang liệt sĩ; 05 tỷ đồng/công trình ghi công liệt sĩ.

- Hỗ trợ các địa phương bị ảnh hưởng bởi bão, lũ sửa chữa, cải tạo nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ 8.000 triệu đồng. Trong đó: hỗ trợ Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam: 2.000 triệu đồng/địa phương để sửa chữa một số công trình bị ảnh hưởng bởi lũ .

#### ***f. Chi giám định ADN (Đề án 150): 30.000 triệu đồng***

Phân bổ và giao dự toán cho Cục Người có công căn cứ Quyết định 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch triển khai được Bộ phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định.

#### ***g. Chi công tác quản lý: 539.900 triệu đồng.***

Dự kiến phân bổ kinh phí quản lý đối với người có công với cách mạng năm 2021 đã đảm bảo chỉnh sửa, tiếp thu ý kiến Bộ Tài chính tại công văn số 6856/BTC-HCSN ngày 08/6/2020; cụ thể như sau:

***g.1. Căn cứ nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 14 Thông tư số 101/2018/TT-BTC theo nguyên tắc, tiêu chí như sau:***

##### ***\* Căn cứ xác định các tiêu chí:***

- Đơn vị hành chính gồm: xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện).

- Số đối tượng người có công hưởng chế độ ưu đãi thường xuyên đang quản lý tại địa phương; đối tượng bình quân/ 1 xã.

- Điều kiện địa lý, vùng miền; ưu tiên hỗ trợ các địa phương miền núi, vùng sông nước, giao thông đi lại khó khăn, vùng sâu vùng xa.

- Các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác quản lý.

- Chi thù lao chi trả cấp xã.

**\* Hệ số điều chỉnh tăng thêm:**

- Hệ số theo vùng, miền (Thành phố trực thuộc TW: Hệ số bằng 0; Các tỉnh vùng đồng bằng: Hệ số bằng 0,1; Các tỉnh vùng trung du, tây nam bộ: Hệ số bằng 0,2; Các tỉnh vùng núi phía bắc, tây nguyên: Hệ số bằng 0,3).

- Hệ số theo số đơn vị cấp huyện (Tỉnh, thành phố có dưới 10 đơn vị cấp huyện: Hệ số bằng 0; Tỉnh, thành phố có từ 10 đến 15 đơn vị cấp huyện: Hệ số bằng 0,1; Tỉnh, thành phố có từ 15 đến 20 đơn vị cấp huyện: Hệ số bằng 0,2; Tỉnh, thành phố có từ 20 đơn vị cấp huyện trở lên: Hệ số bằng 0,3).

- Hệ số theo đơn vị cấp xã, phường (Tỉnh, thành phố có dưới 100 đơn vị cấp xã: Hệ số bằng 0; Tỉnh, thành phố có từ 100 đến 200 đơn vị cấp xã: Hệ số bằng 0,1; Tỉnh, thành phố có từ 200 đến 300 đơn vị cấp xã: Hệ số bằng 0,2; Tỉnh, thành phố có từ 300 đơn vị cấp xã trở lên: Hệ số bằng 0,3).

- Hệ số theo quy mô đối tượng quản lý (Dưới 10.000 đối tượng: Hệ số bằng 0; Từ 10.000 đến 30.000 đối tượng: Hệ số bằng 0,1; Từ 30.000 đến 50.000 đối tượng: Hệ số bằng 0,2; Từ 50.000 đối tượng trở lên: Hệ số bằng 0,3).

- Hệ số theo quy mô đối tượng bình quân của 1 xã (Dưới 50 đối tượng/ cấp xã: Hệ số bằng 0; Từ 50 đến 100 đối tượng/ cấp xã: Hệ số bằng 0,1; Từ 100 đến 150 đối tượng/ cấp xã: Hệ số bằng 0,2; Từ 150 đối tượng/ cấp xã trở lên: Hệ số bằng 0,3).

- Hệ số theo quy mô kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên (Dưới 100 tỷ đồng: Hệ số bằng 0; Từ 100 đến 300 tỷ đồng: Hệ số bằng 0,1; Từ 300 đến 1.000 tỷ đồng: Hệ số bằng 0,2; Từ 1.000 tỷ đồng trở lên: Hệ số bằng 0,3).

**\* Chi phục vụ công tác quản lý:**

- Chi công tác quản lý cấp tỉnh (gồm: chi xét duyệt, thẩm định, điều chỉnh hồ sơ người có công; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; chi hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra; lập dự toán, xét duyệt, thẩm định quyết toán; chi phổ biến chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi thông tin, tuyên truyền; chi văn phòng phẩm...): Bình quân 500 triệu đồng/ 1 năm.

- Chi phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ cấp tỉnh (gồm: Bảo quản lưu trữ hồ sơ, làm thêm giờ, trao đổi học tập kinh nghiệm, hỗ trợ chi phí giám định tài liệu kỹ thuật hình sự hồ sơ người có công, thuê mướn, chi khác phục vụ công tác quản lý): Bình quân 250 triệu đồng/ năm.

+ Chi phục vụ quản lý bình quân cấp tỉnh: (chi công tác quản lý cấp tỉnh + chi phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ cấp tỉnh) X hệ số điều chỉnh tăng thêm.

+ Chi công tác quản lý cấp huyện: chi quản lý bình quân cấp huyện: 60 triệu đồng/ 1 năm X tổng số đơn vị cấp huyện.

+ Chi công tác quản lý cấp xã: chi quản lý bình quân cấp xã: 7,2 triệu đồng/ 1 năm X tổng số đơn vị cấp xã.

- Chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị thường xuyên:
- + Mức bình quân cấp tỉnh: 200 triệu đồng/ địa phương/ 1 năm.
- + Mức bình quân cấp huyện: 30 triệu đồng/ 1 huyện/ 1 năm X tổng số đơn vị cấp huyện.
- + Mức bình quân cấp xã: 2 triệu đồng/ 1 xã/ 1 năm X tổng số đơn vị cấp xã.
- Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin (duy trì, cập nhật phần mềm quản lý tài chính):
- + Mức bình quân cấp tỉnh: 200 triệu đồng/ 1 địa phương/ 1 năm.
- + Mức bình quân cấp huyện: 10 triệu đồng/ 1 năm X tổng số đơn vị cấp huyện.
- Kinh phí thù lao chi trả:
- + Thù lao chi trả không vượt quá 50% kinh phí quản lý toàn ngành.
- + Mức áp dụng chung các tất cả các xã, phường, thị trấn, tương đương mức lương cơ sở năm hiện hành/ tháng/ xã (1.490.000 đồng/ tháng) X hệ số điều chỉnh tăng thêm.
- Điều chỉnh chênh lệch kinh phí quản lý lớn so với kinh phí phân bổ theo tỷ lệ phí tại Công văn số 4541/LĐTBXH-KHTC.

Kinh phí chi công tác quản lý của các địa phương là: 500.377 triệu đồng.

### ***g.2. Chi hỗ trợ khác: 39.523 triệu đồng, phân bổ theo các nguyên tắc sau:***

- Kinh phí hỗ trợ số hóa hồ sơ người có công: Hỗ trợ cho các địa phương theo 4 mức: 700 trđ, 500 trđ, 400trđ và 300trđ/1 địa phương; Căn cứ đề xuất dự toán các địa phương và tình hình hỗ trợ những năm trước để thực hiện số hóa hồ sơ NCC.
- Kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà bảo quản, lưu trữ hồ sơ người có công: Hỗ trợ cho 02 địa phương khó khăn. Căn cứ đề xuất dự toán các địa phương và theo Quyết định phê duyệt báo cáo KT-KT để thực hiện hỗ trợ, đảm bảo theo quy định của Thông tư số 92/2017/TT-BTC (Thừa Thiên - Huế khắc phục hậu quả bão số 6, số 9 và Tuyên Quang sửa chữa để đảm bảo điều kiện lưu trữ hồ sơ NCC).
- Kinh phí hỗ trợ mua sắm tài sản và công việc khác phục vụ công tác quản lý người có công: Hỗ trợ cho các địa phương theo 3 mức; bình quân 100-200trđ/1 địa phương; riêng tỉnh Tuyên Quang hỗ trợ 500 trđ để mua sắm trang thiết bị lưu trữ hồ sơ do kho hồ sơ xuống cấp nghiêm trọng. Căn cứ đề xuất dự toán các địa phương và tình hình hỗ trợ những năm trước để thực hiện hỗ trợ đảm bảo theo quy định.
- Phân bổ và giao dự toán của Cục Người có công: 22.223 triệu đồng để hỗ trợ tổ chức các hội nghị hướng dẫn về chính sách, kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC (sửa đổi); Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý người có công, xây dựng cơ sở dữ liệu về NCC phục vụ công tác quản lý và các công việc khác.

### **2.2. Kinh phí trợ cấp một lần: 170 tỷ đồng**

Phân bổ dự toán cho các Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trên cơ sở đề xuất dự toán của địa phương và tình hình quản lý đối tượng của Cục Người có công. Giao dự toán cùng dự toán trợ cấp thường xuyên, các địa phương thực hiện chi trả

cho các đối tượng ngay sau khi có Quyết định của cơ quan được ủy quyền cho các đối tượng theo quy định.

**2.3. Kinh phí chi mua Bảo hiểm y tế cho đối tượng Người có công: 1.445.000 triệu đồng:** Căn cứ dự toán thực hiện năm 2020; trong đó đã tính kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ và giảm trừ đối tượng giảm 1,0%.

## **II. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ:**

**1. Dự toán thu, chi ngân sách các khoản phí, lệ phí: 36.790 triệu đồng** (*chỉ tăng 40 triệu đồng, chưa đến 1% so với mức giao thu năm 2020; tuy nhiên, so với ước thực hiện năm 2020 tăng 155% và tăng 77% so với dự toán đề xuất của Bộ. Do nội dung thu phí chủ yếu từ Phí xác minh giấy tờ, tài liệu về Xuất khẩu lao động, do ảnh hưởng của dịch Covid nên khoản thu này giảm rất lớn*).

Trên cơ sở dự toán của Bộ Tài chính giao và dự toán đã giao thu năm 2020 của các đơn vị, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã dự kiến phân bổ giao thu cho Cục QL LĐNN và Cục ATLĐ theo danh mục thu phí, lệ phí quy định tại Luật Phí và Lệ phí năm 2015. Việc Bộ Tài chính xác định số nộp ngân sách nhà nước chưa phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư 259/TT-BTC ngày 11/11/2016 (*xác định số được phép trích lại thấp hơn 1.792 triệu đồng và số phải nộp NSNN cao hơn 1.792 triệu đồng*), Bộ đang đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh trong công văn thẩm định phương án phân bổ dự toán ngân sách 2021.

### **2. Chi ngân sách nhà nước:**

\* **Tổng dự toán kinh phí được giao của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ là 804.390 triệu đồng**, trong đó: chi từ nguồn vốn trong nước là 687.330 triệu đồng, vốn ngoài nước là 117.060 triệu đồng.

\* *Chi tiết phân bổ các nguồn vốn như sau:*

#### **2.1. Vốn trong nước: 687.330 triệu đồng.**

*Năm 2021 mới được thông báo dự toán Chi thường xuyên; chưa có dự toán thực hiện các nhiệm vụ CTMTQG, CTMT giai đoạn 2016 – 2020 còn dở dang theo Nghị quyết số 129/2020/QH14 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2021 được thông qua ngày 13/11/2020, kỳ họp thứ 10 Quốc hội XIV và Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.*

#### **Nguyên tắc phân bổ kinh phí:**

- Đảm bảo chi hoạt động bộ máy thường xuyên của các đơn vị:

+ Quỹ tiền lương: Tính trên cơ sở: (i) Tiền lương tháng 11/2020 của lao động thực tế có mặt trong phạm vi biên chế được giao theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ; (ii) Biên chế năm 2021: Đối với biên chế của các đơn vị QLNN theo số biên chế Bộ giao cho các đơn vị; đối với biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên trên cơ sở biên chế được giao năm 2020 tại Quyết định số 260/QĐ-LĐTBXH ngày 09/3/2020 có tính giảm trừ bình quân 2% biên chế theo lộ trình tinh giản biên chế.



Quỹ lương năm 2021 của các đơn vị đã bao gồm: (i) Kinh phí thực hiện tiền lương 1,49 triệu đồng/1 tháng theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP; (ii) Dự kiến có 33% số người được lên lương trong năm 2021 với mức tăng bình quân 0,33, số tháng bình quân là 6 tháng.

Quỹ lương 2021 không bao gồm tiền lương của số lao động hợp đồng ngoài phạm vi biên chế được giao của đơn vị (*bao gồm cả lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP*); đơn vị có trách nhiệm tự đảm bảo từ dự toán chi thường xuyên theo quy định.

+ Chi hoạt động thường xuyên: (i) Đối với các đơn vị Quản lý nhà nước được xác định trên cơ sở số biên chế được giao năm 2021 và theo phương pháp lũy thoái quy định tại Quyết định số 46/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1241/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2017 của Bộ trưởng; (ii) Đối với đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ hoặc 1 phần chi hoạt động thường xuyên: Tính theo định mức chi bằng định mức phân bổ chi ngân sách đã được Bộ Tài chính thẩm định phân bổ dự toán của cả giai đoạn năm 2016 - 2020.

Chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần hoặc do ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên trên cơ sở phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2019-2021 đã được Bộ Tài chính thẩm định (*công văn số 14997/BTC-HCSN ngày 10/12/2019 của Bộ Tài chính*) và Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng (*số 1949, 1950, 1952/QĐ-LĐTBXH ngày 27/12/2019 của Bộ trưởng*).

- Đảm bảo đủ những chính sách cho các đối tượng theo quy định (*chính sách cho người có công nuôi dưỡng tập trung theo quy định tại Nghị định 31/2013/NĐ-CP, mức trợ cấp theo Nghị định 58/2019/NĐ-CP và một số chính sách hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 101/2018/TT-BTC; chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Bộ bố trí bằng mức lương cơ sở tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP là 1.490.000 đồng/1 tháng*).

- Đảm bảo các nội dung chi đã được Bộ Tài chính ấn định dự toán hoặc ghi chú nội dung để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể; các chương trình hoặc đề án đã được phê duyệt.

- Đảm bảo các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng quản lý nhà nước, nhiệm vụ sự nghiệp của các đơn vị.

- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý của các đơn vị; trong đó đối với kinh phí sửa chữa tài sản từ nguồn vốn sự nghiệp của các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ chỉ phân bổ đối với các đơn vị đã có quyết định phê duyệt dự án hoặc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Thông tư 92/2017/TT-BTC.

#### **\* Chi tiết các nguồn vốn:**

**(1) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 26.850 triệu đồng (Tăng so với năm 2020: 2.370 triệu đồng).**

- Chi thường xuyên hoạt động bộ máy (Chi lương, các khoản đóng góp theo lương, điện nước, dịch vụ...): 9.574 triệu đồng (chiếm 35,7%).

- Chi nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ (phân bổ cho các đơn vị chủ trì đề tài được Hội đồng khoa học của Bộ giao): 6.000 triệu đồng (chiếm 22,3%). Trong đó, đối với nhiệm vụ trọng điểm cấp Bộ đề nghị Bộ Tài chính phân bổ 1.400 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 670/QĐ-LĐTBXH ngày 10/6/2020 và đề xuất dự toán ngân sách năm 2021 kèm theo Công văn số 3366/LĐTBXH-KHTC ngày 31/8/2020 đã gửi Bộ Tài chính.

- Chi hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Lao động – Xã hội: 10.000 triệu đồng (chiếm 37,2%).

- Các nhiệm vụ khoa học khác: 1.276 triệu đồng (chiếm 4,8%).

**(2). Chi Hoạt động kinh tế: 28.460 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 5.640 triệu đồng).**

- Chi thường xuyên hoạt động bộ máy: 7.372 triệu đồng (chiếm 25,9%).

- Chi hoạt động chuyên môn đặc thù (điều tra cơ bản, hoạt động Ban biên tập Cổng thông tin của Bộ, Đề án hỗ trợ quan hệ lao động, Đề án hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...): 7.370 triệu đồng (chiếm 25,9%). Hiện nay 02 đơn vị có đề xuất điều tra cơ bản (Cục Quan hệ lao động – Tiền lương và Vụ Bình đẳng giới) đã được phân bổ và giao dự toán điều tra đang xây dựng phương án điều tra để trình Bộ phê duyệt. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, các cuộc điều tra cơ bản từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế không bắt buộc áp dụng thời hạn của Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính (theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 1).

- Chi xúc tiến xuất khẩu lao động: 3.000 triệu đồng (chiếm 10,5%).

- Chi ứng dụng Công nghệ thông tin: 10.718 triệu đồng (chiếm 37,7%).

**(3). Sự nghiệp văn hóa thông tin: 2.500 triệu đồng (Tăng so với năm 2020: 2.000 triệu đồng).**

Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" được dự kiến phân bổ trên cơ sở công văn số 2841/LĐTBXH-KHTC ngày 31/7/2020 đã gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn tại công văn số 2316/BTTTT-KHTC ngày 23/6/2020.

Đối với xuất bản phẩm do Nhà xuất bản thực hiện giao dự toán qua Văn phòng Bộ để đặt hàng vì không được phép giao trực tiếp dự toán ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp.

**(4). Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 2.200 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 1.600 triệu đồng).**

Phân bổ trên cơ sở các nội dung đề xuất dự toán tại công văn số 3036/LĐTBXH-KHTC ngày 14/8/2020 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 3366/LĐTBXH-KHTC ngày 31/8/2020 gửi Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên - Môi trường tại công văn số 6991/BTNMT-KHTC ngày 11/12/2020.

**(5). Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề: 227.880 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 95.080 triệu đồng).**

Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện lộ trình cắt giảm dự toán 2021 đối với chi thường xuyên của các Trường. Các nội dung công việc đã được Bộ Tài chính ghi chú dự toán, chi công việc 75.180 triệu đồng

Thực hiện phân bổ cho các đơn vị trên nguyên tắc sau:

- Chi thường xuyên của các Trường: 91.874 triệu đồng, giảm 9,29% so với dự toán chi thường xuyên phân bổ năm 2020 (99.179 triệu đồng), các đơn vị tự đảm bảo tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP (Chi thường xuyên của các Trường chiếm 40,3%).

- Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP: 44.000 triệu đồng (chiếm 19,3%). Căn cứ vào số ước thực hiện năm 2020 theo báo cáo của các Trường và mức giao dự toán cấp bù năm 2021 và một số nội dung chi thực hiện chính sách còn dư để phân bổ cho các Trường. Kinh phí này được thực hiện theo số học sinh chính sách miễn giảm thực tế, trường hợp không thực hiện hết dự toán theo quy định, không được sử dụng cho mục đích khác, nếu thiếu sẽ đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung.

- Chi thực hiện các chính sách ưu đãi khác cho HSSV, bộ đội xuất ngũ và tinh giản biên chế: 25.550 triệu đồng (chiếm 11,2%).

+ Kinh phí đào tạo nghề cho Bộ đội xuất ngũ theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP là 15.600 triệu đồng (dự toán được Bộ TC thông báo là 18.000 triệu đồng).

+ Các chính sách ưu đãi đối với người học: Chính sách nội trú cho HS-SV theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg 3.460 triệu đồng (*Bộ Tài chính giao dự toán nội dung này là 5.000 triệu đồng*); theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg là 850 triệu đồng (*Bộ Tài chính giao dự toán nội dung này là 1.150 triệu đồng*).

+ Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP: 717 triệu đồng (*Bộ Tài chính giao dự toán nội dung này là 1.400 triệu đồng*).

*Đối với các nội dung còn dư (4.923 triệu đồng) đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh sang nội dung chi cấp bù học phí cho HSSV.*

- Chi công việc: 52.306 triệu đồng (chiếm 23%). Bao gồm:

+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 là 5.630 triệu đồng.

+ Nhiệm vụ chuyên môn của Tổng cục GDNN (Vốn đối ứng các dự án ODA, Thi tay nghề thế giới và chuẩn bị thi tay nghề ASEAN, Niên liễm tay nghề thế giới, giáo dục an ninh, quốc phòng, Hội nghị toàn quốc về GDNN, các Hội thi toàn quốc về thiết bị tự làm, hội giảng giáo viên, quy hoạch mạng lưới...): 41.376 triệu đồng.

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của Bộ: 3.800 triệu đồng; Xây dựng bài giảng trực tuyến: 500 triệu đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ các Trường đưa nội dung giảng dạy về phòng chống tham nhũng vào Trường học theo Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg: 1.000 triệu đồng. Mức hỗ trợ bình quân 100 triệu đồng/ 1 cơ sở đào tạo, riêng cơ sở Hà Nội của Trường ĐH LĐ-XH là 200 triệu đồng do số lượng sinh viên đông.

- Kinh phí hỗ trợ các Trường mua sắm, sửa chữa: 14.150 triệu đồng (chiếm 6,2%). Hỗ trợ các trường mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ chuyên môn đào tạo.

**(6). Chi sự nghiệp Đảm bảo xã hội: 269.760 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 2.630 triệu đồng).**

**\* Hoạt động xã hội tập trung: 173.023 triệu đồng (chiếm 64,1%).** Phân bổ cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị, các chế độ nuôi dưỡng tập trung NCC, đối tượng Bảo trợ xã hội và mua sắm, sửa chữa của 22 đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Đảm bảo xã hội. Cụ thể:

- Chi thường xuyên hoạt động bộ máy: 91.128 triệu đồng.

- Chi nuôi dưỡng đối tượng tập trung 915 đối tượng (Bao gồm: 319 đối tượng thương, bệnh binh và người có công; 596 đối tượng bảo trợ xã hội: tâm thần, trẻ khuyết tật): 48.946 triệu đồng.

- Chi hỗ trợ thương, bệnh binh, trẻ khuyết tật thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng tại các cơ sở CH-PHCN thuộc Bộ: 7.436 triệu đồng.

- Chi hỗ trợ 22 đơn vị sự nghiệp nuôi dưỡng (bao gồm cả 3 đơn vị báo chí) mua sắm, sửa chữa tài sản: 22.822 triệu đồng.

- Các công việc đặc thù thường xuyên (Chi nhiệm vụ thăm hỏi đối tượng: 1.500 triệu đồng; chi đặc thù của Bộ tại miền Trung và Tây Nam Bộ 500 triệu đồng; công tác chuyên môn của Trung tâm PHCN và trợ giúp trẻ khuyết tật 400 triệu đồng, tinh giản biên chế 390 triệu đồng...): 2.691 triệu đồng.

Đề nghị Bộ Tài chính thống nhất giảm 110 triệu đồng kinh phí tinh giản biên chế phù hợp với kế hoạch tinh giản biên chế và dự toán đã gửi Bộ Tài chính và chuyển kinh phí còn dư sang nhiệm vụ chi cho đối tượng nuôi dưỡng tập trung.

**\* Hoạt động xã hội khác: 96.737 triệu đồng (chiếm 35,9%).**

Kinh phí thực hiện các công việc theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác của các đơn vị quản lý nhà nước, phần lớn Bộ Tài chính đã ghi chú cụ thể dự toán được giao cho từng nội dung công việc thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính: 38.260 triệu đồng và các nhiệm vụ chi Đảm bảo xã hội khác: 58.477 triệu đồng. Cụ thể phân bổ cho từng đơn vị:

+ Các hoạt động truyền thông, tư vấn, thắp hành động vì trẻ em, vốn đối ứng... của Cục Trẻ em (bao gồm cả văn phòng Cục và Trung tâm tư vấn dịch vụ truyền thông, trung tâm vùng): 23.800 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp về bảo trợ xã hội của Cục Bảo trợ xã hội, bao gồm cả vốn đối ứng và Hoạt động chuyên môn của Ủy ban quốc gia NCT: 20.800 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp về cai nghiện, phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân buôn bán người của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội 3.100 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp chăm sóc NCC của Cục Người có công: 6.017 triệu đồng.

+ Công tác tuyên truyền, Hội nghị phụ nữ ASEAN, vốn đối ứng các dự án, đảm bảo xã hội khác tại Văn phòng Bộ: 26.920 triệu đồng.

- + Hỗ trợ Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam: 7.000 triệu đồng.
- + Hỗ trợ các đơn vị báo, tạp chí tăng cường tuyên truyền các lĩnh vực của ngành: 3.400 triệu đồng.
- + Vốn đối ứng Làng trẻ em SOS: 2.500 triệu đồng.
- + Các công việc đặc thù thường xuyên (Hỗ trợ công tác thanh tra lĩnh vực người có công và xã hội 2.700 triệu đồng; Hoạt động Ban điều hành Quỹ khắc phục hậu quả bom mìn 500): 3.200 triệu đồng.

**(7). Chi Quản lý hành chính: 129.680 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 19.800 triệu đồng).**

- Chi thường xuyên hoạt động bộ máy: 99.184 triệu đồng (chiếm 76,5%).

- Các công việc chi chung của Bộ trích từ định mức chi thường xuyên: 6.865 triệu đồng (chiếm 5,3%) như: Văn phòng Đảng, đoàn thể, công đoàn, Đoàn Thanh niên; Khen thưởng; Đoàn ra, đoàn vào, An ninh, quốc phòng, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Các nhiệm vụ đặc thù của Vụ TCCB (kiện toàn hồ sơ CBC, kiện toàn tổ chức, bộ máy các đơn vị QLNN, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW, thi tuyển công chức, nâng ngạch công chức...).

- Chi các công việc chuyên môn đặc thù: 23.631 triệu đồng (chiếm 18,2%)

+ Công việc đã được Bộ TC ấn định số dự toán: 11.940 triệu đồng. Bao gồm: Niên liễm các tổ chức quốc tế 9.740 triệu đồng; Xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Bình đẳng giới 1.000 triệu đồng; kinh phí trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra 1.200 triệu đồng.

+ Các nội dung công việc Bộ Tài chính ghi chú nội dung (chỉ bố trí ở mức tối thiểu, tương đương mức đã bố trí năm 2020): 4.950 triệu đồng. Bao gồm: Tuyên truyền phổ biến pháp luật theo quyết định 705/QĐ-TTg là 750 triệu đồng; Đoàn ra tư cách thành viên và đoàn vào tham gia các hội nghị quốc tế, các hoạt động hợp tác đa phương, song phương 1.500 triệu đồng; trang phục, đặc thù thanh tra 750 triệu đồng; hoạt động đặc thù ngoài nước 300; Hội đồng tiền lương quốc gia 200 triệu đồng; Đề án Hòa giải viên, thành viên Hội đồng trọng tài 150 triệu đồng; Hoạt động của UB QHLD 100 triệu đồng; Hội đồng quốc gia về BHLĐ 100 trđ; Tài trợ báo, tạp chí 100 trđ; vận hành các trụ sở của Bộ 1.000 triệu đồng.

+ Vụ HTQT (Chiến lược Hội nhập theo Quyết định 145/QĐ-TTg, Hội nghị Việt Lào); hỗ trợ hoạt động của Văn phòng Bộ tại Tp.HCM, các hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành và các khoản chi khác tại Văn phòng Bộ: 1.516 triệu đồng.

+ Mua sắm, sửa chữa các đơn vị: 5.225 triệu đồng; trong đó: Sửa chữa lớn trụ sở Bộ 12 Ngô Quyền và 45 Phạm Ngọc Thạch (theo Quyết định phê duyệt của Bộ): 2.500 triệu đồng. Mua sắm của các đơn vị: 2.725 triệu đồng (trong đó bao gồm 01 xe ô tô chức danh Bộ trưởng 1.200 triệu đồng; ưu tiên đối với các đơn vị phải di chuyển trụ sở như trong năm 2020: Tổng cục GDNN, Cục Người có công, Cục Bảo trợ xã hội, Cục Trẻ em).

**2.2. Vốn ngoài nước: 117.060 triệu đồng (Giảm so với năm 2020: 126.470 triệu đồng).** Trong đó:

- Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo và Dạy nghề: 9.200 triệu đồng (*Giảm so với năm 2020: 2.970 triệu đồng*).

- Chi đảm bảo xã hội: 107.860 triệu đồng (*Giảm so với năm 2020: 114.280 triệu đồng*).

Thực hiện phân bổ cho các đơn vị theo Quyết định phê duyệt của Bộ đối với các dự án viện trợ. Các đơn vị thực hiện ghi thu – ghi chi theo giải ngân thực tế và trong phạm vi dự toán được giao theo quy định.

***(Số liệu phân bổ cụ thể chi tiết tại các Phụ lục kèm theo công văn số 168/LĐTBXH-KHTC ngày 20/01/2021 đã được Bộ ký gửi Bộ Tài chính thẩm định phân bổ dự toán 2021 của Bộ)***

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**